

Số: /NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

**Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về
“Tình hình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính cấp xã
trên địa bàn tỉnh; thực hiện chế độ, chính sách trong sắp xếp cán bộ”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 2599/NQ-UBDNGS15 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội ban hành các mẫu văn bản phục vụ hoạt động giám sát;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số .../TTr-TTHĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát

1. Thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Tình hình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh; thực hiện chế độ, chính sách trong sắp xếp cán bộ” và phân công:

a) Trưởng Đoàn: Ông Dương Tất Thắng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Phó Trưởng Đoàn Thường trực: Bà Nguyễn Thị Việt Hà, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Phó Trưởng Đoàn: Bà Nguyễn Thị Nhuận, Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Các thành viên, đại biểu và chuyên gia mời tham gia Đoàn giám sát do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 2. Mục đích, phạm vi, đối tượng, nội dung giám sát

1. Mục đích giám sát

Đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp, bố trí đội ngũ và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách chịu tác động của việc sắp xếp; đồng thời đánh giá tình hình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, mức độ đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương; khả năng thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền của cấp xã; hiệu quả phối hợp giữa cấp tỉnh và cấp xã; tính thông suốt trong quản lý, điều hành; chất lượng cung ứng dịch vụ công, phục vụ người dân và doanh nghiệp, bảo đảm các điều kiện hoạt động và xử lý các tồn đọng sau sắp xếp.

Làm rõ kết quả đạt được, những nội dung đã hoàn thành và còn tồn đọng; đánh giá hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; kịp thời phát hiện những bất cập về thể chế, tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất và nguồn lực để kiến nghị hoàn thiện, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Phạm vi giám sát

Giám sát kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tổ chức bộ máy, đội ngũ, thực hiện chế độ, chính sách; việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và xử lý tồn đọng sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2026.

3. Đối tượng giám sát

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Nội dung giám sát

4.1. Khái quát kết quả sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy, đội ngũ và thực hiện chế độ, chính sách

- Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 1665/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị

hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh năm 2025; kết quả thành lập, kiện toàn các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp xã; những nội dung chưa hoàn thành hoặc còn phải điều chỉnh.

- Kết quả tiếp nhận, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; số tiếp tục công tác, được điều động, luân chuyển, biệt phái, tăng cường hoặc chuyển công tác; số nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc, tinh giản biên chế, thôi giữ chức vụ hoặc hưởng chức vụ, phụ cấp thấp hơn.

- Kết quả thực hiện chế độ, chính sách theo từng nhóm đối tượng: số trường hợp được rà soát, lập hồ sơ, phê duyệt, chi trả; kinh phí đã chi và còn phải chi; số trường hợp chưa giải quyết dứt điểm, nguyên nhân và thời hạn dự kiến hoàn thành.

4.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn và kiểm tra

- Việc quán triệt, cụ thể hóa chủ trương, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy; ban hành văn bản chỉ đạo, quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc và quy trình phối hợp.

- Việc phân công nhiệm vụ, tổ chức phối hợp giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; chế độ thông tin, báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh.

- Công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, tập huấn, bồi dưỡng; kết quả tiếp nhận, giải quyết hoặc trả lời kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4.3. Kết quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp

- Tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chính quyền địa phương cấp xã; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, phân công, phối hợp và duy trì hoạt động thường xuyên; những lĩnh vực còn chông chéo, bỏ trống, gián đoạn hoặc khó thực hiện.

- Việc tiếp nhận nhiệm vụ mới được phân cấp từ cấp tỉnh về cấp xã. Kết quả rà soát, phân định thẩm quyền; thực hiện phân cấp, phân quyền, ủy quyền; mức độ chủ động và khả năng thực hiện nhiệm vụ của cấp xã; việc hướng dẫn, tháo gỡ các nội dung còn vướng mắc.

- Hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: biên chế được giao, số hiện có, vị trí còn thiếu, phải kiêm nhiệm hoặc bố trí chưa phù hợp chuyên môn; mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; việc điều động, tăng cường nhân lực cho đơn vị, địa phương còn khó khăn.

- Kết quả tập huấn, bồi dưỡng gắn với nhiệm vụ mới và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; số lớp, số người tham gia, nội dung và hiệu quả sau tập huấn, bồi dưỡng.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công, cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, đúng hạn, quá hạn, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử; những khó khăn trong phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Việc xây dựng, kết nối, chia sẻ, liên thông hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, tài khoản và phần mềm quản lý giữa cấp tỉnh và cấp xã; mức độ vận hành thực tế, tính ổn định và an toàn của hệ thống.

- Việc bảo đảm kinh phí, phân bổ và điều chỉnh dự toán, giải ngân, mua sắm, trang thiết bị, trụ sở, nhà, đất và tài sản công; kết quả quản lý, sử dụng và xử lý cơ sở nhà, đất, tài sản dôi dư sau sắp xếp.

- Kết quả bàn giao, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, tài chính, tài sản, dự án, chương trình, kế hoạch và công việc chuyển tiếp; việc quản lý, lưu trữ và số hóa hồ sơ, tài liệu.

- Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; các vụ việc phức tạp, kéo dài hoặc phát sinh liên quan đến việc sắp xếp.

4.4. Kết quả xử lý các tồn đọng sau sắp xếp

- Rà soát, phân loại và kết quả xử lý các hồ sơ, công việc, dự án, chương trình, tài chính, ngân sách, nợ xây dựng cơ bản, công nợ, đất đai, quy hoạch, xây dựng, trụ sở, tài sản công, dữ liệu, phần mềm, chế độ, chính sách và vụ việc được bàn giao hoặc phát sinh từ việc sắp xếp.

- Đối với từng nhóm tồn đọng, làm rõ số lượng, giá trị liên quan, số đã giải quyết, đang giải quyết, quá hạn hoặc chưa xử lý; nguyên nhân, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời hạn hoàn thành; kiến nghị đối với nội dung vượt thẩm quyền.

4.5. Đánh giá chung và kiến nghị, đề xuất

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và tác động đối với hoạt động quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đời sống Nhân dân và hoạt động của người dân, doanh nghiệp.

Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; nhiệm vụ, giải pháp và thời hạn khắc phục.

Kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát tại Phiên họp thường kỳ tháng 12 năm 2026, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2026.

3. Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, phục vụ Đoàn giám sát về công tác bảo đảm các hoạt động của Đoàn giám sát.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Đoàn giám sát, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*báo cáo*);
- Ủy ban Công tác đại biểu (*báo cáo*);
- Văn phòng Quốc hội (*báo cáo*);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ1.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh